

Bản án số:13/2022/DS-ST

Ngày: 20/01/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Viễn Tú

2. Bà Đàm Thu Ánh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Vũ, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:** Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 04 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa 67/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021, Thông báo về việc dời thời gian mở phiên tòa ngày 101/2021/TBTA ngày 31/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT (Sk); địa chỉ: lầu 8, số 266-268 đường KN, phường VS, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Trường T, sinh năm: 1994; địa chỉ: 1077 LG, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 203/2021/UQ-TTT ngày 19/3/2021), (có mặt).

2. Ông Âu Dương Đ, sinh năm: 1982; địa chỉ: 91 đường TH, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận được ngày 22/03/2021, các bản tự khai của nguyên đơn ông Phạm Trường Thịnh là đại diện hợp pháp của nguyên đơn, trình bày:

Ngày 17/01/2008, Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Âu Dương Đ ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Theo Hợp đồng, Ngân hàng cấp cho ông Âu

Dương Đ thẻ tín dụng có hạn mức là 15.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Âu Dương Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 144.974.434 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 175.600.665 đồng.

Do ông Âu Dương Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, và qua nhiều lần nhắc nợ nhưng ông Đ vẫn không thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng, đến ngày 01/3/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Âu Dương Đ phải thanh toán số nợ còn thiếu tính đến ngày 05/01/2020 với số tiền là 31.934.950 đồng (ba mươi một triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, chín trăm năm mươi đồng), bao gồm số tiền nợ gốc là 22.740.857 đồng và lãi quá hạn là 9.194.093 đồng.

Yêu cầu ông Âu Dương Đ phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/01/2020 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết.

** Đối với bị đơn ông Âu Dương Đ:* Trong quá trình giải quyết vụ án ông Âu Dương Đ không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn yêu cầu ông Âu Dương Đ phải trả ngay một lần số nợ còn thiếu trong việc thực hiện hợp đồng thẻ tín dụng tính đến ngày 20/01/2022 với số tiền là 43.168.890 đồng (bốn mươi ba triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi đồng), bao gồm số tiền nợ gốc là 22.740.857 đồng và lãi quá hạn là 20.428.033 đồng. Yêu cầu ông Âu Dương Đ phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/01/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hợp đồng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện thỏa thuận. Việc ông Âu Dương Đ không thực hiện việc trả nợ đúng kỳ hạn là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Âu Dương Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP TT với số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, ông Âu Dương Đ còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo sau khi xét xử cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT và ông Âu Dương Đ là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn là Ông Âu Dương Đ có nơi cư trú cuối cùng là Quận 11, nên căn cứ theo Điểm a, Khoản 1, Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

** Về người tham gia tố tụng:* Bị đơn ông Âu Dương Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên cả hai lần hòa giải và đến phiên tòa xét xử lần thứ ba ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] *Về yêu cầu nguyên đơn:*

Về khoản nợ gốc: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ và lời khai của nguyên đơn cung cấp: 17/01/2008 ông Âu Dương Đ có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông Đ đã sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng SK để thanh toán các khoản giao dịch với tổng tiền là 144.974.434 đồng, do đó xác định đây là hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng mà ông Đ đã ký kết với ngân hàng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua các bảng tự khai và các bảng sao kê ngày 16/11/2021, 31/12/2021 và 20/01/2022 đã thể hiện ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 175.600.655 đồng. Do từ ngày 31/12/2019 đến hết ngày 29/02/2020 ông Đ đã liên tục 03 tháng không thanh toán nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt hợp đồng. Ông Âu Dương Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 23 và của Bản Điều Khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Việc Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn căn cứ theo Khoản 2, 3 Điều 7 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Hội đồng xét xử căn cứ vào Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 474 Bộ Luật dân sự 2005 quy định: “Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn” xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 22.740.857

đồng chốt đến ngày 29/2/2020 qua các bảng sao kê ngày 16/11/2021, 31/12/2021, 20/01/2022 là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét về lãi vay: Ngày 17/01/2008 bị đơn ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng và đồng ý mức lãi suất theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sk phát hành tại Việt Nam của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT quy định lãi suất thẻ tín dụng cá nhân là 2,6%; Ngày 31/12/2019 bị đơn đã vi phạm lịch trả trả nợ căn cứ vào Điều 23 và Khoản 3 Điều 7 của Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế do Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT ban hành đã quy định việc chuyển nợ quá hạn *“Sau 90 ngày kể từ ngày lập bảng thông báo giao dịch, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền thanh toán tối thiểu thì toàn bộ dư nợ của chủ thẻ là nợ quá hạn áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng”*. Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều c Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Khoản 2 Điều 22 Quyết định số 04/VBHN-NHNN ngày 24/4/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông Âu Dương Đ phải thanh toán số tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc tính đến ngày 20/01/2022 là 22.740.857 đồng (theo bảng tính lãi ngày 20/01/2022) và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/01/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Âu Dương Đ phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT số tiền với tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/01/2022 là: 43.168.890 đồng (bốn mươi ba triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi đồng), bao gồm số tiền nợ gốc là 22.740.857 đồng và lãi quá hạn là 20.428.033 đồng. Ngoài ra còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/01/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết.

[3] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT được chấp nhận nên bị đơn ông Âu Dương Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.158.445 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 798.374 (bảy trăm chín mươi tám ngàn, ba trăm bảy mươi bốn đồng) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT theo biên lai số AA/2019/0052853 ngày 15/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 474 Bộ Luật dân sự 2005

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 22 Quyết định số 04/VBHN-NHNN ngày 24/4/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT, buộc ông Âu Dương Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT số tiền nợ tính đến ngày ngày 20/01/2022 số tiền là 43.168.890 đồng (bốn mươi ba triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi đồng), bao gồm số tiền nợ gốc là 22.740.857 đồng và lãi quá hạn là 20.428.033 đồng.

Ông Âu Dương Đ phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 21/01/2022 trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/01/2008 được ký kết giữa ông Âu Dương Đ và Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Âu Dương Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.158.445 đồng (hai triệu một trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi lăm) đồng, nộp tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 798.374 (bảy trăm chín mươi tám ngàn, ba trăm bảy mươi bốn đồng) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT theo biên lai số AA/2019/0052853 ngày 15/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lại Thị Thu Thủy

